

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28-4-2026

V/v ly hôn

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phằng.

2. Ông Trần Văn Khô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 1407/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn P, sinh ngày 21/12/1963; Số căn cước công dân: 052063014848; Nơi cư trú: B N, thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Tô Thị L, sinh ngày 20/5/1964; Số căn cước công dân: 052164013077; Nơi cư trú: B N, thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Văn P trình bày: Ông và bà Tô Thị L quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian thì được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 1983 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Cách đây 10 năm vợ chồng mâu thuẫn, không còn tình cảm, tiếng nói chung nhưng vì các con chưa trưởng thành nên vợ chồng cố gắng chịu đựng. Đến nay các con đã lập gia đình, ổn định cuộc sống nên ông yêu cầu ly hôn với bà L để ổn định tâm lý, cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà L có 04 con chung gồm: Hồ Mỹ A, sinh ngày 19/7/1985; Hồ Mỹ D, sinh ngày 21/8/1987; Hồ Mỹ N, sinh ngày 19/8/1990 và Hồ

Mỹ D1, sinh ngày 01/6/1994; Các con đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai ngày 10 tháng 11 năm 2025, bị đơn bà Tô Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hồ Văn P đăng ký kết hôn năm 1983 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đến hè năm 2025, bà vào Thành phố Hồ Chí Minh giữ cháu ngoại thì nghe Tòa án thông báo ông P nộp đơn ly hôn nên bà về lại. Bà và ông P vẫn chung sống sinh hoạt bình thường, vợ chồng không có mâu thuẫn, ông P yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì vợ chồng vẫn còn tình cảm. Bà đề nghị Tòa án cho bà thời gian đến ngày 30/12/2025 để vợ chồng bà có thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu sau ngày 30/12/2025 ông P không rút đơn khởi kiện thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà và ông P có 04 con chung gồm: Hồ Mỹ A, sinh ngày 19/7/1985; Hồ Mỹ D, sinh ngày 21/8/1987; Hồ Mỹ N, sinh ngày 19/8/1990 và Hồ Mỹ D1, sinh ngày 01/6/1994; Các con đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Hồ Văn P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Tô Thị L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Tô Thị L đang cư trú tại B N, thôn V, xã T, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Ông Hồ Văn P và bà Tô Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà L không đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 1983 và có 04 con chung, con lớn nhất sinh năm 1985. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, do quan hệ giữa ông P và bà L được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên được xác định là hôn nhân thực tế và

được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông P là có cơ sở để Tòa án thụ lý và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của ông P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Bà L không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ, sau ngày 30/12/2025 nếu ông P vẫn không rút đơn thì bà xin chấp nhận phán quyết của Tòa án. Đến nay, ông P vẫn kiên quyết ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa ông P và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Từ những phân tích trên, Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn P, ông P được ly hôn với bà L.

[4] Về quan hệ con chung: Ông P, bà L có 04 con chung gồm: Hồ Mỹ A, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1985; Hồ Mỹ D, sinh ngày 21 tháng 8 năm 1987; Hồ Mỹ N, sinh ngày 19 tháng 8 năm 1990 và Hồ Mỹ D1, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1994; Các con đã trưởng thành, sức khỏe bình thường. Ông P, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông P, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông P đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ông Hồ Văn P ly hôn bà Tô Thị L.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông P, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn P được miễn án phí ly hôn.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Hậu